

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG
PACIFICAUDIT CO., LTD**

Website: www.pacificaudit.com.vn

Email: info@pacificaudit.com.vn - pacificaudit@gmail.com

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 03/12/2015.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 17.257.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 3516 2933

Mã số thuế: 0303218213

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên:

- Ông Lưu Văn Cường
- Ông Dương Hồng Nhân
- Bà Phạm Thị Ánh Hồng

Chức vụ

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

- Ông Dương Hồng Nhân
- Ông Trần Công Thuận
- Bà Lâm Thị Hoàng Hương
- Bà Phạm Thị Ánh Hồng

Chức vụ

- Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

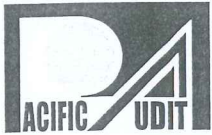
Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 29 tháng 01 năm 2016

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Dương Hồng Nhân
Giám đốc



Số 16010/2016/BCKT-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh, được lập ngày 29 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đối với quyết toán quỹ tiền lương cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được xét duyệt của Cơ quan ban ngành. Chúng tôi ghi nhận chỉ tiêu này căn cứ vào báo cáo quyết toán quỹ tiền lương của Công ty lập ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ngoài ra, tiền mặt tại quỹ có 18,8 lượng vàng tiền tệ Công ty đang ghi nhận theo giá vàng tại thời điểm phát sinh là 17.750.000 đồng/lượng vàng. Công ty chưa đánh giá lại giá trị vàng tiền tệ này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2016

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2015	TẠI NGÀY 01/01/2015
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.395.799.481	104.515.925.453
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		44.953.964.140	50.061.351.607
1. Tiền	111	V.01	29.048.439.434	43.214.397.911
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.905.524.706	6.846.953.696
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.263.436.965	34.636.731.269
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	13.655.636.303	17.472.040.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.453.352.576	6.557.646.361
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.154.448.086	10.607.044.218
IV. Hàng tồn kho	140		27.969.590.351	21.843.330.204
1. Hàng tồn kho	141	V.05	27.969.590.351	21.843.330.204
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		208.808.025	(2.025.487.627)
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.07	208.808.025	(2.025.487.627)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.147.029.525	33.418.829.450
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.982.846.031	6.791.937.070
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	14.982.846.031	6.791.937.070
II. Tài sản cố định	220		1.974.133.845	3.744.079.703
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.974.133.845	3.744.079.703
Nguyên giá	222		15.416.798.662	15.471.179.325
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.442.664.817)	(11.727.099.622)
III. Bất động sản đầu tư	230		21.716.552.198	22.656.980.044
Nguyên giá	231	V.09	33.184.601.578	34.714.493.114
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.468.049.380)	(12.057.513.070)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.473.497.451	225.832.633
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	1.473.497.451	225.832.633
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.542.829.006	137.934.754.903

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2015	TẠI NGÀY 01/01/2015
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		76.516.331.607	76.758.619.675
I. Nợ ngắn hạn	310		74.368.831.607	73.266.119.675
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	25.889.755.158	18.765.950.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	4.003.496.149	194.982.963
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	9.896.926.552	6.847.179.722
4. Phải trả người lao động	314	V.13	8.644.260.063	7.634.705.769
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	4.710.053.574	18.122.822.303
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	16.233.502.692	21.734.201.907
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	4.990.837.419	(33.723.079)
II. Nợ dài hạn	330		2.147.500.000	3.492.500.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	1.912.500.000	3.187.500.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.17	210.000.000	280.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.026.497.399	61.176.135.228
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	23.632.319.719	26.968.553.317
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.256.635.403	14.844.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	6.183.134.499
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.375.684.316	5.941.418.818
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	5.941.418.818
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.375.684.316	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.20	32.394.177.680	34.207.581.911
1. Nguồn kinh phí	431		6.824.988.567	7.697.964.952
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		25.569.189.113	26.509.616.959
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		132.542.829.006	137.934.754.903

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Thị Hậu
Người lập biểu

Phạm Thị Ánh Hồng
Kế Toán Trưởng

Dương Hồng Nhân
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	162.709.082.270	151.723.850.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		15.899.850.424	18.383.712.262
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		146.809.231.846	133.340.138.077
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	132.328.283.752	117.973.571.006
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.480.948.094	15.366.567.071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.789.484.527	1.503.002.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	203.786.615	314.314.063
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		203.786.615	314.314.063
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	8.783.126.301	9.579.542.133
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.283.519.705	6.975.713.243
11. Thu nhập khác	31	VI.06	441.047.630	160.350.543
12. Chi phí khác	32	VI.07	87.377.507	35.881.007
13. Lợi nhuận khác	40		353.670.123	124.469.536
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.637.189.828	7.100.182.779
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.633.981.762	1.531.240.211
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.003.208.066	5.568.942.568
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2016



Nguyễn Thị Hậu
Người lập biểu



Phạm Thị Ánh Hồng
Kế Toán Trưởng




Dương Hồng Nhân
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và	01		82.626.874.790	57.519.370.601
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và	02		(67.717.324.285)	(35.448.865.345)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(52.128.842.863)	(64.868.992.719)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(203.789.615)	(314.314.063)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.112.985.027)	(1.105.319.115)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.383.247.901.704	93.289.734.723
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.349.333.706.698)	(57.197.365.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(5.621.871.994)	(8.125.751.308)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(5.068.815.930)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.350.545
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		1.789.484.527	1.503.002.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.789.484.527	(3.562.463.017)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(1.275.000.000)	(1.275.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.275.000.000)	(1.275.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5.107.387.467)	(12.963.214.325)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.061.351.607	63.024.565.932
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		44.953.964.140	50.061.351.607

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Thị Hậu
Người lập biểu

Phạm Thị Ánh Hồng
Kế Toán Trưởng

Dương Hồng Nhân
Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 03/12/2015.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 17.257.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công cộng, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	968.128.914	517.224.900
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	634.428.914	183.524.900
+ Vàng bạc, kim khí, đá quý	333.700.000	333.700.000
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	28.080.310.520	42.697.173.011
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	21.413.429.762	24.134.401.030
- Ngân hàng Vietcombank	956.000	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT Việt Nam	6.660.012.742	10.177.264.200
- Ngân hàng TMCP Việt Á (SGD)	5.912.016	8.385.507.781
Các khoản tương đương tiền	15.905.524.706	6.846.953.696
- Ngân hàng TMCP Việt Á (CKH)	8.726.517.914	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7.179.006.792	6.846.953.696
Tổng cộng	44.953.964.140	50.061.351.607

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Phải thu khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
a Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Phòng tài chính kế hoạch Quận Bình Thạnh	2.129.739.875	2.103.953.039
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây Dựng	67.629.000	67.629.000
- Các công nợ cá nhân nhà Sở hữu Nhà nước	4.734.288.762	5.597.789.809
- Công ty môi trường Đô Thị	6.553.322.365	9.394.627.112
- Các khách hàng khác	170.656.301	308.041.730
Tổng cộng	13.655.636.303	17.472.040.690
b Phải thu của khách hàng dài hạn		
- Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Quận Bình Thạnh	8.774.205.480	6.567.585.431
- Ủy ban nhân dân Phường 11	622.305.000	
- Văn phòng UBND Quận Bình Thạnh	499.652.000	
- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	648.867.009	
- Công ty Cổ phần Tân Liên Phát	235.676.957	
- Dự án Phường 7	3.851.341.960	102.295.458
- Dự án Phường 13	320.547.000	
- Các khách hàng khác	30.250.625	122.056.181
Tổng cộng	14.982.846.031	6.791.937.070
3. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
- Công Ty TNHH Phát Triển Đô Thị An Phước	2.120.459.600	4.020.459.600
- Công ty TNHH ĐT XD TM Kiến Quốc	-	2.223.544.272
- Công ty CP ĐT Tư vấn Xây Dựng Tổng hợp	-	137.552.800
- Khảo sát thiết kế - Lô 4 - 6 CXTĐ	80.163.000	80.163.000
- CN Công ty Vissan - XN Chế biến KDTP	82.882.800	79.450.800
- Công ty Cổ phần ĐT PT Robo	105.000.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Hồng Sơn	36.572.833	-
- Các khách hàng khác	28.274.343	16.475.889
Tổng cộng	2.453.352.576	6.557.646.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Các khoản phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a Ngắn hạn				
Ông Trần Anh Đức (Thuế tài định)	-		52.651.500	
UBND Quận Bình Thạnh (42 căn nhà Tạm cư P21)	338.670.743		338.670.743	
Chi phí đo vẽ nhà sở hữu Nhà nước	42.857.752		35.060.353	
Bảo hiểm xã hội, y tế nhân viên	139.310.564		163.558.944	
XNBL Xăng dầu (Chi phí xăng dầu)			147.508.728	
Chi phí giải tỏa Lô 4-6 CX Thanh Đa	412.445.322		372.445.322	
Thuế VAT phải thu (Hợp đồng sản phẩm công ích năm 2014)	-		8.824.635.512	
(*) Các khoản tạm ứng nhân viên	2.108.251.129		469.046.290	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	46.023.900		134.228.700	
Phải thu tiền BHXH	29.656.028			
Phải thu khác	37.232.648		69.238.126	
Tổng cộng	3.154.448.086	-	10.607.044.218	-

(*) Chi tiết các khoản tạm ứng nhân viên	Cuối năm	Đầu năm
+ Nguyễn Ngọc Nga	410.712.266	87.953.239
+ Phạm Đình Nghị	90.915.745	14.265.281
+ Đỗ Thích	246.114.525	-
+ Trịnh Huy Dưỡng	561.160.000	80.000.000
+ Lê Thanh Tươi	-	100.000.000
+ Phạm Xuân Quang	418.093.593	109.727.770
+ Nguyễn Văn Cứ	70.000.000	-
+ Vũ Thị Vân Anh	44.060.000	-
+ Ngô Anh Tuấn	20.000.000	-
+ Trần Hải Quang	27.195.000	-
+ Huỳnh Công Trí	140.000.000	-
+ Phạm Ngọc Phụng	80.000.000	-
+ Các nhân viên khác	-	77.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	84.218.546		47.802.497	
Công cụ, dụng cụ	670.602.937		42.216.000	
(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang(*)	27.214.768.868		21.753.311.707	
Tổng cộng	27.969.590.351	-	21.843.330.204	-

(*) Chi tiết các chi phí kinh doanh dở dang:

	Cuối năm	Đầu năm
- Thi công các công trình kinh doanh	3.416.365.841	4.464.105.364
+ Nâng cấp vỉa hè đường Xô Viết Nghệ Tĩnh Quận Bình Thạnh	-	150.535.000
+ Công trình Đài tưởng niệm Liệt sĩ Quận Bình Thạnh	231.187.207	1.799.479.000
+ Sửa chữa hội trường UBND Quận Bình Thạnh	1.170.379.450	
+ Công trình tái lập mặt đường	25.237.434	389.616.108
+ Thi công công trình kinh doanh khác	1.989.561.750	2.124.475.256
- Hoạt động dự án	19.432.206.371	17.127.549.843
+ Dự án phường 13	19.423.171.071	17.118.514.543
+ Dự án khác	9.035.300	9.035.300
- Duy tu đường bộ	-	152.780.000
- Dịch vụ vệ sinh vận chuyển	3.178.923.396	-
- Quản lý nhà	371.087.772	8.876.500
- Đội công viên cây xanh	816.185.488	
- Khác	-	90.018.497

6. Chi phí trả trước	Cuối năm	Đầu năm
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Số dư đầu năm	225.832.633	960.904.959
Tăng trong năm	10.813.991.671	187.850.597
Đã kết chuyển vào CP SXKD trong năm	9.566.326.853	922.922.923
Số dư cuối năm	1.473.497.451	225.832.633

7. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a Tài sản ngắn hạn khác		
+ Chi sự nghiệp	208.808.025	(2.025.487.627)
Tổng cộng	208.808.025	(2.025.487.627)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác
Nguyên giá					
- Số dư đầu năm	2.512.133.999		12.687.363.561	271.681.765	15.471.179.325
- Thanh lý, nhượng bán				54.380.663	
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	2.512.133.999	-	12.687.363.561	217.301.102	15.416.798.662
Khấu hao lũy kế					
- Số dư đầu năm	2.217.070.056	-	9.315.542.472	194.487.094	11.727.099.622
- Khấu hao trong năm	137.950.244		1.602.113.778	29.881.836	1.769.945.858
- Thanh lý, nhượng bán				54.380.663	54.380.663
Số dư cuối năm	2.355.020.300	-	10.917.656.250	169.988.267	13.442.664.817
Giá trị còn lại					
- Số dư đầu năm	295.063.943	-	3.371.821.089	77.194.671	3.744.079.703
Số dư cuối năm	157.113.699	-	1.769.707.311	47.312.835	1.974.133.845
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:					
Nhà cửa, vật kiến trúc	608.443.882				
PTVTài, truyền dẫn	1.908.687.500				
Dụng cụ quản lý	97.773.830				
Tổng cộng	2.614.905.212				

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Nhà sản xuất, kinh doanh	Nhà ở	Nhà chung cư	Bất động sản khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	4.196.969.649	28.820.428.725	1.697.094.740	-	34.714.493.114
Mua trong năm	-	1.529.891.536	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tổng cộng	4.196.969.649	27.290.537.189	1.697.094.740	-	33.184.601.578

Khấu hao lũy kế

Số dư đầu năm	1.740.394.668	10.317.118.402	-	-	12.057.513.070
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	589.463.690	-	-	589.463.690
Tổng cộng	1.740.394.668	9.727.654.712	-	-	11.468.049.380

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	2.456.574.981	18.503.310.323	1.697.094.740	-	22.656.980.044
Số dư cuối năm	2.456.574.981	17.562.882.477	1.697.094.740	-	21.716.552.198

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Phải trả người bán	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Cty ĐTTTC, NS Quận BT... (các khoản thu tiền nhà trả góp chung cư + nền đất tái định cư)	17.785.745.428	17.785.745.428	14.152.134.494	14.152.134.494
- Lê Minh Vũ-Vận chuyển rác - Xe ép 2185	780.283.045	780.283.045	1.032.507.994	1.032.507.994
- Lê Thanh Tươi - Vận chuyển rác - Xe ép 7579	1.061.373.226	1.061.373.226	1.066.051.614	1.066.051.614
- Công trình sửa chữa Đài Tưởng Niệm Liệt Sĩ Q Bình Thạnh	174.170.000	174.170.000	216.865.000	216.865.000
- Duy tu khoán quản lý Quý 4/2014	-	-	473.490.528	473.490.528
- Công trình văn phòng Ban Quản Lý Chợ Thanh Đa	-	-	87.990.000	87.990.000
- Công trình sửa chữa Trường THCS Yên Thế	-	-	536.760.000	536.760.000
- Công trình sửa chữa Trụ sở VP Công ty	-	-	263.790.000	263.790.000
- Công trình xây mới Trạm Y tế Phường 3	-	-	265.720.000	265.720.000
- Công ty TNHH CPXD CTGT Thành Tâm	1.024.857.713	1.024.857.713	48.824.528	48.824.528
- Công ty TNHH TM VLXD Ngọc Châu Hải	272.749.965	272.749.965		
- Công ty CP KT Đông Phương	222.346.850	222.346.850		
- Công ty CP VL Nam Vi sai	196.080.000	196.080.000		
- Công ty TNHH MTV TM SX Đồ gỗ Kim Thọ	110.053.900	110.053.900		
- Công ty TNHH Thỏ Mỹ Thành	249.424.267	249.424.267		
- Công ty TNHH Tiến Trường	307.550.000	307.550.000		
- Công ty TNHH Đầu tư Đình Uy	263.359.800	263.359.800		
- Công trình duy tu quản lý đường bộ không vật tư	568.903.400	568.903.400	-	-
- Quỹ Phát triển Nhà ở Thành phố - Dự án Phường 26	455.117.338	455.117.338	455.117.338	455.117.338
- Công trình duy tu ngoài khoán đợt 2/2015	1.030.695.826	1.030.695.826		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Công trình sửa chữa trụ sở UBND P27	112.800.000	112.800.000		
- Công trình NC vỉa hè đường Nơ Trang Long	279.270.000	279.270.000		
- Công trình VSMT rạch hẻm 132 Nguyễn Hữu Cánh	201.010.000	201.010.000		
- Công trình XD trụ sở UBND P24	219.300.000	219.300.000		
- Công trình XD trụ sở UBND P12	294.055.000	294.055.000		
- Công trình sửa chữa Trường THCS Lê Văn Tám	82.675.000	82.675.000		
- Các khách hàng khác	197.934.400	197.934.400	166.698.594	166.698.594
Tổng cộng	25.889.755.158	25.889.755.158	18.765.950.090	18.765.950.090

11. Người mua trả tiền trước

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Quận Bình Thạnh	310.511.372	310.511.372	8.385.147	8.385.147
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Giáo dục HUTECH		-	500.000	500.000
- Phòng Tài Chính Kế Hoạch Quận Bình Thạnh	146.247.628	146.247.628	50.316.096	50.316.096
- Công nợ Nhà SHNN	50.001.800	50.001.800		
- UBND Phường 11 Quận Bình Thạnh	47.390.000	47.390.000		
- Dự án Phường 7	2.727.997.069	2.727.997.069		
- Dự án Phường 13	424.251.280	424.251.280		
- Khách hàng khác	297.097.000	297.097.000	135.781.720	135.781.720
Tổng cộng	4.003.496.149	4.003.496.149	194.982.963	194.982.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT		517.170.378	8.861.678.387	7.131.487.336		2.247.361.429
- Thuế TNDN (*)		1.529.163.881	1.698.894.012	2.112.985.027		1.115.072.866
- Thuế TNCN		99.691.008	289.321.126	176.677.369		212.334.765
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		521.997.115	10.517.490.745	6.698.458.782		4.341.029.078
- Các loại thuế khác			3.000.000	3.000.000		-
- Các khoản phải nộp khác		4.179.157.340	3.306.886.080	5.504.915.006		1.981.128.414
Tổng cộng	-	6.847.179.722	24.677.270.350	21.627.523.520	-	9.896.926.552

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm: 1.633.981.762 đồng, điều chỉnh tăng 64.912.250 đồng

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

13. Phải trả công nhân viên

	Cuối năm	Đầu năm
- Lương nhân viên văn phòng	850.924.574	617.526.321
- Lương bộ phận dịch vụ vệ sinh	6.014.364.370	5.357.727.485
- Lương bộ phận quản lý nhà	993.766.579	548.932.819
- Lương bộ phận CVCX	210.751.718	85.388.708
- Lương viên chức quản lý	574.452.822	1.025.130.436
Tổng cộng	8.644.260.063	7.634.705.769

14. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm	Đầu năm
a Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện	4.710.053.574	18.122.822.303
Tổng cộng	4.710.053.574	18.122.822.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. Phải trả khác	Cuối năm	Đầu năm
a Phải trả ngắn hạn khác	-	
- Kinh phí công đoàn	108.640.550	106.742.820
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	109.840.152	78.969.152
- Lãi chung cư Dự án P7	-	705.572.680
- Lãi thu hộ chung cư tái định cư	7.223.826.770	6.363.940.944
- Thuế GTGT thu hộ chung cư tái định cư	2.152.951.529	8.102.524.266
- Công ty Phát Triển nhà BT	404.311.000	404.311.000
- Dự án Phường 07 - Giá trị quyền sử dụng đất	1.677.260.080	1.677.260.080
- Thuế thu nhập cá nhân	220.605.271	237.265.724
- Ban BTGPMB Quận 1-DA Đại lộ Đông Tây	-	208.811.857
- Ban BTGPMB Quận 4-DA Đại lộ Đông Tây	-	147.979.001
- Ban BTGPMB Quận 5-DA Đại lộ Đông Tây	-	570.938.283
- Lương công nhân viên	2.378.391.745	2.826.811.653
- Phải trả kinh phí sửa chữa chung cư 1050 căn- Viettracimex.	1.550.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	407.675.595	303.074.447
Tổng cộng	16.233.502.692	21.734.201.907
b Phải trả dài hạn khác		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn;	25.000.000	25.000.000
Tổng cộng	25.000.000	25.000.000
16. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	(33.723.079)	
Tăng trong năm	9.340.131.664	
Giảm trong năm	4.315.571.166	
- Số dư cuối năm	4.990.837.419	-33.723.079
17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	210.000.000	280.000.000
- Tổng cộng	210.000.000	280.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	3.187.500.000	3.187.500.000		1.275.000.000	1.912.500.000	1.912.500.000
Tổng cộng	3.187.500.000	3.187.500.000	-	1.275.000.000	1.912.500.000	1.912.500.000

(*) Vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 13.36.0032/HĐTD với các nội dung chính như sau:

Thời hạn vay: 48 tháng

Lãi suất vay: 8,3%/năm

Tài sản đảm bảo: Số tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn số tiền: 6.000.000.000 đồng

Ngày đáo hạn: 04/04/2017

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	14.844.000.000			1.155.802.371	16.201.899.761	32.201.702.132
Tăng vốn năm trước				3.770.499.096		3.770.499.096
Chuyển từ quỹ dự phòng tài chính				1.256.833.032		1.256.833.032
Lãi trong năm trước					5.568.942.568	5.568.942.568
Giảm khác					(15.829.423.511)	(15.829.423.511)
Số dư cuối năm trước	14.844.000.000	-		6.183.134.499	5.941.418.818	26.968.553.317
Tăng vốn năm nay	2.412.635.403					
Giảm vốn năm nay				(2.412.635.403)		
Chuyển qua quỹ khen thưởng và phúc lợi				(3.770.499.096)		
Lãi trong năm					6.003.208.066	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và ban điều hành					(5.568.942.568)	
Tăng khác						
Số dư cuối năm nay	17.256.635.403	-		-	6.375.684.316	23.632.319.719

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm	Đầu năm
Vốn của nhà nước	17.256.635.403	14.844.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác		
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn đầu năm	14.844.000.000	14.844.000.000
+ Vốn tăng trong năm	2.412.635.403	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn cuối năm	2.412.635.403	14.844.000.000
d. Quỹ đầu tư phát triển	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	6.183.134.499	1.155.802.371
Tăng trong năm		5.027.332.128
Giảm để tăng vốn điều lệ	2.412.635.403	
Giảm do chuyển về quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.770.499.096	
- Số dư cuối năm	-	6.183.134.499
Chuyển về quỹ khen thưởng phúc lợi theo Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2014 của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận Bình Thạnh.		
20. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm (ngày 01 tháng 01 năm 2015)	7.697.964.952	7.278.476.794
Tăng trong năm	13.241.633.560	15.257.623.027
-Thu hộ ngân sách các tiền nhà sở hữu của Nhà nước và nhà sản xuất kinh doanh	11.776.378.843	14.590.256.618
-Thu 2% chi phí quản lý chung cư	291.374.871	87.218.533
-Thu 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	665.473.122	70.401.571
-Thu phí lệ phí vệ sinh	490.207.900	490.460.810
-Tăng khác	18.198.824	19.285.495
Giảm trong năm	14.114.609.945	14.838.134.869
-Chi hoạt động nhà sở hữu của Nhà nước và nhà sản xuất kinh doanh	11.776.378.843	14.590.256.618
-Kinh phí sự nghiệp nhà thuộc SHNN	519.283.924	
-Chi 2% chi phí quản lý chung cư	410.169.876	20.150.000
-Chi 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	428.108.592	90.487.000
-Chi phí lệ phí vệ sinh	980.668.710	137.241.251
- Số dư cuối năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015)	6.824.988.567	7.697.964.952

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm (ngày 01 tháng 01 năm 2015)	26.509.616.959	27.247.227.185
Tăng trong năm	-	25.264.800
Giảm trong năm	940.427.846	762.875.026
- Số dư cuối năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015)	25.569.189.113	26.509.616.959

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối năm		Đầu năm	
a. Kim khí quý, đá quý:	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Vàng	18,8 lượng	333.700.000	18,8 lượng	333.700.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty chưa đánh giá lại giá trị vàng theo giá thị trường.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.709.082.270	151.723.850.339
Trong đó:		
Doanh thu công trình kinh doanh	25.176.281.211	12.779.240.291
Doanh thu công trình công ích	39.131.540.001	33.545.866.000
Doanh thu quét thu gom rác+VS thùng	55.527.295.425	52.663.970.691
Doanh thu vận chuyển rác	8.113.841.956	20.207.272.008
Doanh thu thu lệ phí vệ sinh	7.936.971.686	7.853.053.998
Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp	752.468.869	465.438.182
Doanh thu nhà cho thuê ở	4.293.916.754	6.741.181.245
Doanh thu nhà sản xuất kinh doanh	6.953.811.051	7.272.596.596
Doanh thu nhà xe thanh đa	532.172.638	576.478.777
Doanh thu dịch vụ quản lý nhà khác	2.821.576.684	1.282.757.931
Doanh thu đội công viên cây xanh	3.410.435.021	2.450.679.681
Doanh thu duy tu đường bộ	8.058.770.974	5.885.314.939
Các khoản giảm trừ doanh thu:	15.899.850.424	18.383.712.262
Trong đó:		
Phí vệ sinh, BVMT...	4.116.013.617	3.793.455.644
Giảm trừ doanh thu DV khác	7.457.964	-
- Nguồn thu nhà SHNN	11.776.378.843	14.590.256.618
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.809.231.846	133.340.138.077

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm nay	Năm trước
02. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn công trình kinh doanh	24.090.989.464	12.089.039.334
Giá vốn công trình công ích	36.000.922.289	30.027.058.100
Giá vốn thu gom rác	48.802.521.171	46.753.599.822
Giá vốn vận chuyển rác	7.417.487.924	15.920.680.254
Giá vốn thu lệ phí vệ sinh	2.141.209.279	2.624.594.539
Giá vốn dịch vụ vệ sinh công nghiệp	641.432.592	465.820.047
Giá vốn dịch vụ quản lý nhà khác	2.484.072.956	1.337.902.450
Giá vốn đội công viên cây xanh	3.063.085.298	3.324.547.620
Giá vốn duy tu đường bộ	7.686.562.779	5.430.328.840
Tổng cộng	132.328.283.752	117.973.571.006
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi +lãi dự án Phường 7	1.789.484.527	1.503.002.368
Tổng cộng	1.789.484.527	1.503.002.368
04. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	203.786.615	314.314.063
Tổng cộng	203.786.615	314.314.063
05. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	7.245.054.357	7.356.613.775
Chi phí vật liệu quản lý	139.359.439	187.226.815
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.416.362	110.056.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.335.035	397.927.272
Thuế, phí và lệ phí	22.074.059	3.000.000
Trích Quỹ PT KHCN	210.000.000	140.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.092.940	281.551.321
Chi phí bằng tiền khác	917.794.109	1.103.166.026
Điều chỉnh giảm do hoàn nhập quỹ PT khoa học công nghệ	(280.000.000)	-
Tổng cộng	8.783.126.301	9.579.542.133
06. Thu nhập khác		
Thuê mặt bằng 23 Trần Quý Cáp, Bình Thạnh	305.454.543	118.181.818
Cho thuê mặt bằng đặt máy ATM	38.181.816	-
Thu nhập khác	97.411.271	42.168.725
Tổng cộng	441.047.630	160.350.543

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

07. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	87.377.507	35.881.007
Tổng cộng	87.377.507	35.881.007
08. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.637.189.828	7.100.182.779
Cộng các khoản chi phí không được trừ		
Trích quỹ khoa học công nghệ	210.000.000	140.000.000
Thu nhập tính thuế	7.427.189.828	6.960.182.779
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.633.981.762	1.531.240.211

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền	Năm nay	Năm trước
- Chuyển quỹ đầu tư phát triển thành vốn chủ sở hữu;	2.412.635.403	-
- Chuyển quỹ đầu tư phát triển thành quỹ khen thưởng phúc lợi	3.770.499.096	-
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	1.275.000.000	1.275.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.953.964.140		50.061.351.607	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	31.792.930.420		34.871.021.978	
Tổng cộng	76.746.894.560	-	84.932.373.585	-

Công nợ tài chính

Phải trả người bán, phải trả khác

Các khoản vay

Tổng cộng

Cuối năm	Đầu năm
42.148.257.850	40.525.151.997
1.912.500.000	3.187.500.000
44.060.757.850	43.712.651.997

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ

Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu những rủi ro của thị trường (bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không trọng yếu vì Công ty chỉ có một số rất ít tiền bằng Đô la Mỹ (USD) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng / giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.953.964.140			44.953.964.140
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	16.810.084.389	14.982.846.031		31.792.930.420
Tổng cộng	61.764.048.529	14.982.846.031	-	76.746.894.560

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

Tiền và các khoản tương đương tiền	50.061.351.607			50.061.351.607
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	28.079.084.908	6.791.937.070		34.871.021.978
Tổng cộng	78.140.436.515	6.791.937.070	-	84.932.373.585

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	42.123.257.850	25.000.000		42.148.257.850
Các khoản vay		1.912.500.000		1.912.500.000
Tổng cộng	42.123.257.850	1.937.500.000	-	44.060.757.850

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

Phải trả người bán, phải trả khác	40.500.151.997	25.000.000	40.525.151.997
Các khoản vay		3.187.500.000	3.187.500.000
Tổng cộng	40.500.151.997	3.212.500.000	- 43.712.651.997

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày theo Quyết định 15)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày theo Thông tư 200)	Chênh lệch trình bày lại
Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán			
- Phải thu ngắn hạn khác	10.050.869.228	10.607.044.218	556.174.990
- Tài sản ngắn hạn khác	(1.469.312.637)	(2.025.487.627)	(556.174.990)

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2015 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 29 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Thị Hậu
Người lập biểu

Phạm Thị Ánh Hồng
Kế Toán Trưởng

Dương Hồng Nhân
Giám đốc

